

Bản án số: **79/2022/DS-ST**

Ngày: 21-6-2022

V/v: *Tranh chấp hợp đồng tín dụng.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỐNG ĐA THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Tú

Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Minh Phương;

Ông Nguyễn Tiến Thanh.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Đào Thị Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân quận Đống Đa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa Hà Nội tham gia phiên Tòa: Bà Phạm Thanh Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Đống Đa xét xử công khai sơ thẩm vụ án Dân sự thụ lý số 47/2022/TLST-DS ngày 17/3/2022 về tranh chấp hợp đồng tín dụng; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2022/QĐXXST- DS ngày 27 tháng 5 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 87/2022/QĐST-DS ngày 27/5/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Ngân hàng Thương mại trách nhiệm hữu hạn một thành viên D K T C**; Trụ sở: Số 109 Trần Hưng Đạo, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội; Đại diện theo pháp luật: Ông P H T – Tổng giám đốc; Đại diện theo ủy quyền: Ông N H H - Cán bộ xử lý nợ (Theo Giấy ủy quyền số 09/2017/UQ-TGĐ ngày 16/02/2017 của N hàng Thương mại trách nhiệm hữu hạn một thành viên D K T C và giấy ủy quyền lại số 02/2019/UQ – TLO ngày 28/03/2019 của Giám đốc N hàng Thương mại trách nhiệm hữu hạn một thành viên D K T C). Ông Hải có mặt;

- *Bị đơn:* **Bà H T N**, sinh năm: 1973; HKTT: P24 A1 TT Học viện KTQS, phường Nam Đồng, quận Đống Đa, TP. Hà Nội (bà N vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện đề ngày 08/12/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Thương mại trách nhiệm hữu hạn một thành viên D K T C (GPBank) trình bày:**

Ngày 26/01/2018, Ngân hàng D K T C - Chi nhánh Thăng Long và bà H T N đã ký Hợp đồng tín dụng số 0039/2018/TLO-VQ22/HDTD và các Khế ước nhận nợ số 0039/2018/TLO-VQ22/GNN001 với nội dung cụ thể sau:

- Tổng số tiền vay: 540.000.000 đồng (Năm trăm bốn mươi triệu đồng chẵn).
- Lãi suất: Lãi suất ưu đãi tại thời điểm ký Hợp đồng là 7,8%/năm trong 06 tháng đầu tiên theo chương trình ưu đãi lãi suất “GPBank đồng hành cùng khách hàng” của GPBank. Lãi suất cho vay các kỳ tiếp theo được xác định bằng tổng của lãi suất cơ sở cộng (+) biên độ 3.8%/năm.

- Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày 26/01/2018 đến ngày 26/01/2023.

- Mục đích vay: Cho vay thanh toán tiền mua xe ô tô con 05 chỗ ngồi; nhãn hiệu: Mazda 3 FaceLift 1.5 Hatchback; lắp ráp tại Việt Nam, mới 100%; màu sơn : Trắng-25D; dung tích xi lanh: 1.496cc; động cơ: Xăng; hộp số: Số tự động 6 cấp; theo Hợp đồng mua bán xe ô tô số: 17.12.

- Hình thức trả nợ: Trả gốc lãi hàng tháng.

Hồ sơ tài sản bảo đảm: Thế chấp tất cả các quyền, quyền sở hữu và lợi ích của Bên Thế Chấp đối với tài sản thuộc sở hữu của mình là: 01 xe ô tô nhãn hiệu MAZDA, số loại 3, sản xuất năm 2018, màu trắng, Biển kiểm soát số: 30F.05111; số khung RN2BN5AA6JC079168; Số máy: P520478202, Số chỗ ngồi: 05 theo Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay số: 0038/2018/TLO-VQ22/HDTD ngày 26/01/2018 giữa N hàng Thương mại TNHH MTV D K T C – Chi nhánh Thăng Long với bà H T N. Phụ lục Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành từ vốn số: 0038/2018/Tlo-VQ22/PL001 ngày 30/01/2018. Đã đăng ký giao dịch đảm bảo theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình phát sinh quan hệ vay vốn, lãnh đạo và cán bộ Ngân hàng đã trực tiếp theo dõi tình hình hoạt động của bên vay vốn, đặc biệt từ khi Bên vay vốn chậm trả tiền lãi và gốc khoản vay cho Ngân hàng.

Ngày chuyển nợ quá hạn: **04/9/2018**.

Ngay sau khi khoản vay quá hạn, GPBank Thăng Long đã thông báo cho Bên vay đồng thời là chủ tài sản biết thực trạng khoản vay, nhiều lần trực tiếp để gặp khách hàng để bàn về việc xử lý khoản vay. Sau nhiều lần làm việc, bên vay vốn vẫn trốn tránh, chây ỳ trong việc trả nợ.

Lần trả nợ gần nhất của khách hàng là ngày 23/11/2018 với số tiền trả nợ là 14.210.000 đồng. Từ đó đến nay, khách hàng không thực hiện thêm nghĩa vụ trả nợ gốc lãi nào khác cho N hàng.

Sau khi xác định được tài sản bảo đảm đang được lưu giữ tại Phòng CSĐT tội phạm về ma túy – CATP Hà Nội, ngày 17/09/2020, đại diện GPBank Thăng Long đã gửi Đơn đề nghị số 109/2020/CV-TLO ngày 15/09/2020 về việc phối hợp bàn giao tài sản là xe ô tô Mazda 3 BKS: 30F-051.11 thuộc sở hữu của bà H T N để thu hồi nợ theo quy định của Pháp luật. Ngày 09/02/2021, GPBank Thăng Long đã nhận bàn giao tài sản trên từ đại diện Cơ quan CSĐT tội phạm về ma túy – CATP Hà Nội.

GPBank đã tiến hành bán đấu giá tài sản bảo đảm thành công tài sản trên, theo biên bản đấu giá tài sản ngày 11/11/2021 tại trụ sở Công ty Đấu giá hợp danh Sao Vàng tổ chức. Người trúng đấu giá là ông N N D (sinh năm 1996, CCCD số: 001096010119 do Cục cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 19/06/2019). Giá trúng đấu giá là: **435.000.000**

đồng, sau khi trừ đi các chi phí hợp lý, số tiền GPBank được nhận từ việc bán đấu giá tài sản của khách hàng H T N là: **422.666.000** đồng. Số tiền trên đã được thu vào gốc của khoản vay.

Đến nay khách hàng vẫn chưa thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ của mình.

Tổng số tiền khách hàng còn phải trả theo Hợp đồng tín dụng và kế ước nhận nợ nêu trên tạm tính đến hết ngày 21/03/2022.

Nợ gốc: **45.332.006** đồng

Nợ lãi trong hạn: **110.488.691** đồng

Nợ lãi quá hạn: **113.494.800** đồng

Tổng cộng: **269.315.497** đồng

Lãi vay tiếp tục phát sinh theo thời gian cho đến khi khách hàng thanh toán toàn bộ tiền gốc, lãi cho GPBank theo quy định của Hợp đồng tín dụng đã ký giữa GPBank và Bà H T N.

Tài sản đảm bảo tiền vay tại thời điểm hiện tại: Không có tài sản đảm bảo

Ngân hàng TM TNHH MTV D K T C – Chi nhánh Thăng Long yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc:

1. Buộc bà H T N phải trả ngay cho GPBank tổng số tiền cả gốc và lãi tạm tính đến hết ngày 21/03/2022 theo Hợp đồng tín dụng số: 0039/2018/TLO-VQ22/HĐTD ký ngày 26/01/2018 và kế ước nhận nợ kèm theo giữa Bà H T N với Ngân hàng TM TNHH MTV D K T C là: 269.315.497 đồng, trong đó:

Nợ gốc: 45.332.006 đồng

Nợ lãi trong hạn: 110.488.691 đồng

Nợ lãi quá hạn: 113.494.800 đồng

Tổng cộng: 269.315.497 đồng

2. Buộc bà H T N phải tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số 0039/2018/TLO-VQ22/HĐTD ký ngày 26/01/2018 và kế ước nhận nợ kèm kể từ ngày 22/03/2022 cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng hoặc bổ sung tài sản đảm bảo để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho GPBank.

Đối với bị đơn là bà H T N, Tòa án nhân dân quận Đống Đa đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà N không đến Tòa để thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng dân sự nên Tòa án không thể lấy được lời khai của bà N cũng như tiến hành hòa giải để giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa:

- Đại diện nguyên đơn Ngân hàng TM TNHH MTV D K T C giữ nguyên toàn bộ yêu cầu khởi kiện: Buộc bà H T N phải trả ngay cho GPBank tổng số tiền cả gốc và lãi tính đến hết ngày 21/6/2022 là: 275.011.062 đồng, trong đó:

Nợ gốc: 45.332.006 đồng

Nợ lãi trong hạn: 113.300.269 đồng

Nợ lãi quá hạn: 89.646.488 đồng

Lãi chậm trả lãi: 26.732.299 đồng.

Buộc bà H T N phải tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số 0039/2018/TLO-VQ22/HĐTD ký ngày 26/01/2018 và khế ước nhận nợ kèm kể từ ngày 22/6/2022 cho đến khi trả hết nợ cho N hàng hoặc bổ sung tài sản đảm bảo để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho GPBank.

- Các đương sự khác vắng mặt; HĐXX công bố tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ.

*** Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa tham gia phiên Tòa có ý kiến:**

Về tố tụng: Quá trình Tòa án tiến thụ lý vụ án cho đến khi đưa quyết định đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tiến hành tố tụng theo đúng các quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự.

* Về nội dung: Căn cứ Điều 317, 318, khoản 6 Điều 320, 357, 418, 466, 468 Bộ luật dân sự; Điều 21, 26, 35, 39 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14; Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TM TNHH MTV D K T C đối với bà H T N. Buộc bà N thực hiện nghĩa vụ trả nợ số tiền gốc và lãi của Hợp đồng tín dụng số 0039/2018/TLO-VQ22/HĐTD, tổng số tiền là 275.011.062 đồng; trong đó: nợ gốc: 45.332.006 đồng; nợ lãi trong hạn: 113.300.269 đồng; nợ lãi quá hạn: 113.494.800 đồng; lãi chậm trả lãi: 26.732.299 đồng. Bà N tiếp tục phải trả lãi cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ; Án phí: Bà N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Quan hệ pháp luật: Tranh chấp xuất phát từ hợp đồng dân sự về việc yêu cầu thanh toán tiền còn nợ theo hợp đồng tín dụng giữa một bên là doanh nghiệp có đăng ký kinh doanh và một bên là cá nhân không có đăng ký kinh doanh; Căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 16 Điều 4 Luật các tổ chức tín dụng, xác định vụ án dân sự, quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng tín dụng.

- Thẩm quyền: Bà H T N có hộ khẩu thường trú tại P24 A1 TT Học viện KTQS, phường Nam Đồng, quận Đống Đa, TP. Hà Nội. Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án nhân dân quận Đống Đa thụ lý, giải quyết và xét xử là đúng thẩm quyền.

- Thủ tục: Tại hợp đồng tín dụng ký giữa Ngân hàng TM TNHH MTV D K T C và bà H T N thể hiện bà N có hộ khẩu thường trú tại P24 A1 TT Học viện KTQS phường Nam Đồng, quận Đống Đa, TP. Hà Nội. Tại thời điểm khởi kiện, Ngân hàng TM TNHH MTV D K T C đã tiến hành xác minh tại Công an phường Nam Đồng và được cung cấp thông tin “bà H T N, sinh năm 1973 có hộ khẩu thường trú tại P24 A1 TT Học viện KTQS phường Nam Đồng, quận Đống Đa, TP. Hà Nội. Hiện không còn sinh sống tại địa chỉ P24 A1 TT Học viện KTQS phường Nam Đồng, quận Đống Đa, TP.

Hà Nội từ năm 2014”. Việc bà N chuyển đi không được thông báo lại cho nguyên đơn và nguyên đơn cũng không biết được địa chỉ mới của bà N. Khoản 3 Điều 40 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: “Trường hợp một bên trong quan hệ dân sự thay đổi nơi cư trú gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ thì phải thông báo cho bên kia biết về nơi cư trú mới.” Trong trường hợp này, bà N đã không thông báo địa chỉ mới của mình cho N hàng TM TNHH MTV D K T C. Do đó, đây được coi là cố tình giấu địa chỉ. Căn cứ vào điểm a, khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án vẫn tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân quận Đống Đa đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự bao gồm: Thông báo thụ lý vụ án; Giấy triệu tập; Thông báo kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm; Quyết định hoãn phiên tòa; đồng thời thực hiện việc thông báo tìm kiếm bà H T N trên phương tiện thông tin đại chúng nhưng đến nay hết thời hạn 3 tháng kể từ khi thụ lý vụ án, Tòa án vẫn không nhận được bất kỳ thông báo nào về địa chỉ mới của bà N, bà N không có phản hồi gì đối với yêu cầu khởi kiện của N hàng. Vì vậy, căn cứ theo khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án không tiến hành hòa giải được. Căn cứ theo điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà H T N.

[2] Về nội dung:

2.1. Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, lời trình bày của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, xác định Ngân hàng TM TNHH MTV D K T C và bà H T N đã ký hợp đồng tín dụng số 0039/2018/TLO-VQ22/HĐTD ngày 26/01/2018, khế ước nhận nợ và Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay số: 0038/2018/TLO-VQ22/HĐTD ngày 26/01/2018, Phụ lục Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành từ vốn số: 0038/2018/Tlo-VQ22/PL001 ngày 30/01/2018.

Xét thấy: Việc ký hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp, khế ước nhận nợ trên cơ sở tự nguyện; Hình thức, nội dung của Hợp đồng phù hợp với quy định tại Điều 117, Điều 385, 398, 463, 465 Bộ luật dân sự; do đó, các thoả thuận trong hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật có hiệu lực, các bên có quyền, nghĩa vụ thực hiện các nội dung đã thoả thuận trong hợp đồng.

2.2. Xét yêu cầu thanh toán nợ gốc theo Hợp đồng tín dụng:

Hội đồng xét xử nhận định: Sau khi ký Hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ, hợp đồng thế chấp; xác nhận Ngân hàng TM TNHH MTV D K T C đã giải N cho bà N số tiền 540.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng trên và Khế ước nhận nợ ngày 26/01/2018; Quá trình thực hiện hợp đồng, bà N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho N hàng TMTNHH MTV D K T C. Do đó Ngân hàng TM TNHH MTV D K T C đã tiến hành thu giữ và bán đấu giá tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Số tiền bán đấu giá tài sản thế chấp là 422.666.000 đồng, được trừ vào số tiền nợ gốc mà bà H T N nợ Ngân hàng TM

TNHH MTV D K T C. Tính đến ngày 21/6/2022, bà H T N còn nợ Ngân hàng TMTNHH MTV D K T C số tiền gốc 45.332.006 đồng. Do đó, căn cứ Điều 280, 281, 466 Bộ luật Dân sự buộc bà H T N phải trả N hàng TNHH MTV D K T C số tiền nợ gốc trên.

2.3. Xét yêu cầu thanh toán nợ lãi theo Hợp đồng tín dụng:

Theo Hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ các bên có thỏa thuận: Lãi suất ưu đãi tại thời điểm ký Hợp đồng là 7,8%/năm trong 06 tháng đầu tiên theo chương trình ưu đãi lãi suất “GPBank đồng hành cùng khách hàng” của GPBank. Lãi suất cho vay các kỳ tiếp theo được xác định bằng tổng của lãi suất cơ sở cộng (+) biên độ 3.8%/năm. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Hội đồng xét xử nhận định: Thỏa thuận về mức lãi suất N hàng TM TNHH MTV D K T C áp dụng đối với bà N tại Hợp đồng tín dụng là sự tự nguyện thỏa thuận của các bên; phù hợp với các Quyết định điều chỉnh mức lãi suất tiết kiệm của N hàng TM TNHH MTV D K T C; Điều 280, 281, 357, 418, 466, 468 Bộ luật dân sự; phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng được sửa đổi, bổ sung năm 2017 nên yêu cầu buộc bà N phải thanh toán số tiền nợ lãi trong hạn 113.300.269 đồng; nợ lãi quá hạn: 113.494.800 đồng (tính đến ngày 21/6/2022) cho N hàng TM TNHH MTV D K T C được chấp nhận.

2.4. Xét yêu cầu thanh toán lãi chậm trả lãi theo Hợp đồng tín dụng:

Theo Hợp đồng tín dụng đã được ký kết, các bên thỏa thuận: “Trường hợp Bên vay không trả đúng hạn tiền lãi theo quy định tại Khoản 2 Điều này, Bên vay phải trả lãi chậm trả tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Mức lãi suất chậm trả lãi bằng 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả” (Mục 4 Điều 2 Hợp đồng tín dụng).

Hội đồng xét xử nhận định: Thỏa thuận về việc trả lãi chậm trả lãi là thỏa thuận phạt vi phạm giữa Ngân hàng TM TNHH MTV D K T C và bà H T N. Xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 418 Bộ luật Dân sự nên yêu cầu buộc bà N phải thanh toán số tiền lãi chậm trả lãi 26.732.299 đồng cho Ngân hàng TM TNHH MTV D K T C được chấp nhận.

Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa phát biểu quan điểm và đề xuất hướng giải quyết vụ án tại phiên tòa phù hợp với các quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

[3]. Về án phí: Do các yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn được chấp nhận nên hoàn lại cho Ngân hàng TMTNHH MTV D K T C số tiền tạm ứng án phí đã nộp; Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 3 Điều 144, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 238, Điều 266, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Điều 116, 117, 118, 119, 280, 281, 298, 357, 418, 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Điều 12, Điều 50, Điều 56, khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2017.

- Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn một thành viên D K T C đối với bà H T N về việc thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo Hợp đồng tín dụng số 0039/2018/TLO-VQ22/HĐTD ngày 26/01/2018 đối với khoản tiền gốc, tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn và lãi chậm trả lãi.

2. Xác nhận tính đến ngày 21/6/2022, bà H T N còn nợ Ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn một thành viên D K T C số tiền gốc **45.332.006** đồng (Bốn mươi lăm triệu, ba trăm ba mươi hai nghìn, không trăm linh sáu đồng); nợ lãi trong hạn: 113.300.269 đồng (Một trăm mười ba triệu, ba trăm nghìn, hai trăm sáu mươi chín đồng); nợ lãi quá hạn: 89.646.488 đồng (Tám mươi chín triệu, sáu trăm bốn mươi sáu nghìn, bốn trăm tám mươi tám đồng); lãi chậm trả lãi: 26.732.299 đồng (Hai mươi sáu triệu, bảy trăm ba mươi hai nghìn, hai trăm chín mươi chín đồng). Tổng cộng số tiền là 275.011.062 đồng (Hai trăm bảy mươi lăm triệu, không trăm mười một nghìn, không trăm sáu mươi hai đồng).

Buộc bà H T N phải trả Ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn một thành viên D K T C số tiền 275.011.062 đồng (Hai trăm bảy mươi lăm triệu, không trăm mười một nghìn, không trăm sáu mươi hai đồng).

3. Buộc bà H T N tiếp tục trả tiền lãi từ ngày 22/6/2022 của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho N hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của N hàng cho vay.

* **Án phí:** Bà H T N phải chịu 13.750.553 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho Ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn một thành viên D K T C số tiền tạm ứng án phí 7.500.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0089841 ngày 15 tháng 3 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận Đống Đa.

Ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn một thành viên D K T C có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án;

Bà H T N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự.
- VKSND quận Đống Đa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Tú